

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027**TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ***(Kèm theo Quyết định số**/QĐ-SGDĐT ngày**/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Khánh Hòa)*

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
1		Huỳnh Minh Hoàng	Nam	19/07/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0					TT
2		Hồ Tấn Nguyên	Nam	14/12/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0					TT
3		Lê Thảo Nhi	Nữ	11/07/2010	Âu Cơ-Nha Trang	0	0					TT
4		Nguyễn Trọng Nhật Khang	Nam	21/01/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0					TT
5		Đinh Thị Thanh Hà	Nữ	11/02/2009	Mai Xuân Thuởng	0	0					TT
6		Nguyễn Khánh Nhân	Nam	27/10/2009	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0					TT
7		Võ Lê Kim Bảo	Nam	01/01/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0					TT
8		Nguyễn Gia Huy	Nam	28/06/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0					TT
9		Đỗ Minh Hoàng	Nam	09/11/2010	Mai Xuân Thuởng	0	0					TT
10		Hồ Quang Trường	Nam	30/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0					TT
11		Mai Thanh Nhân	Nam	14/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0					TT
12		Đỗ Văn Minh Triết	Nam	28/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0					TT
13	140568	Trần Ngọc Nhã	Nữ	14/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	9	9	9,75	27,75	NV1
14	140911	Trần Nguyên Diệu Thảo	Nữ	07/07/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	8,75	9,5	9,5	27,75	NV1
15	150282	Huỳnh Nguyễn Khánh Hiền	Nữ	13/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	9	9	9,5	27,5	NV1
16	150408	Lê Lâm Kha	Nam	15/12/2011	Lý Thái Tổ	1	0	7,5	9	10	27,5	NV1
17	150424	Nguyễn Hoàng Khang	Nam	07/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	9,5	9,5	27	NV1
18	151153	Trần Hoàng Thanh Vy	Nữ	13/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,25	9	9,5	26,75	NV1
19	150222	Ngô Thanh Hào	Nam	08/07/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	8,75	9	9	26,75	NV1
20	150856	Nguyễn Bảo Mỹ Tiên	Nữ	12/04/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,75	9,5	9,25	26,5	NV1
21	150243	Nguyễn Hoàng Bảo Hân	Nữ	08/04/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	8,5	8,5	9,25	26,25	NV1
22	150385	Lê Trần Trúc Hương	Nữ	26/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,5	8,75	9	26,25	NV1
23	150820	Trần Như Quỳnh	Nữ	14/06/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,5	9	9,75	26,25	NV1
24	150430	Huỳnh Nhật Khang	Nam	08/06/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,75	9	9,25	26	NV1
25	150020	Trần Nguyễn Trường An	Nam	05/01/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7,5	9	9,5	26	NV1
26	150195	Lương Nguyên Đăng	Nam	01/10/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	9,5	9,5	26	NV1
27	150819	Tơ Thị Như Quỳnh	Nữ	26/12/2011	Lý Thái Tổ	1	0	8,75	8	8,25	26	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
28	150383	Phạm Quỳnh Hương	Nữ	21/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	8,25	9,75	26	NV1
29	150705	Đặng Lê Bảo Như	Nữ	30/12/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,5	9	9,25	25,75	NV1
30	150563	Nguyễn Phúc Hiền My	Nữ	04/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	9	10	25,75	NV1
31	140842	Vưu Công Nguyên	Nam	05/01/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	8	9,5	8,25	25,75	NV1
32	150314	Trần Đỗ Thúy Hồng	Nữ	20/09/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,75	8,75	9,25	25,75	NV1
33	150990	Lê Kim Thư	Nữ	16/11/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,25	8,75	9,5	25,5	NV1
34	151075	Trần Thanh Trúc	Nữ	01/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	9	9,25	25,5	NV1
35	140537	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	06/09/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	6,75	9	9,75	25,5	NV1
36	150989	Vũ Trần Anh Thư	Nữ	14/11/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,75	8,25	9,5	25,5	NV1
37	150112	Nguyễn Trường Bình	Nữ	08/04/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	8	8,75	8,75	25,5	NV1
38	150381	Lý Thái Mai Hương	Nữ	23/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	9	8,5	25,5	NV1
39	150854	Hà Quang Tân	Nam	02/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,5	9	8	25,5	NV1
40	150593	Phùng Ngọc Bảo Ngân	Nữ	15/02/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,5	8,75	9	25,25	NV1
41	151014	Trịnh Nguyễn Đoàn Trang	Nữ	30/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	9	8,25	25,25	NV1
42	140169	Hoàng Kiên Trung	Nam	28/11/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,5	8,5	9,25	25,25	NV1
43	151102	Lê Thị Ngọc Vân	Nữ	06/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,25	8,75	8,25	25,25	NV1
44	150051	Phạm Phương Anh	Nữ	14/04/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,5	9	8,75	25,25	NV1
45	150751	Đoàn Tiến Phúc	Nam	19/06/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,25	9	9	25,25	NV1
46	150677	Bùi Nguyễn An Nhi	Nữ	04/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,25	8,5	8,5	25,25	NV1
47	150748	Nguyễn Minh Phúc	Nam	28/11/2011	Thái Nguyên	0	0	8	8,5	8,75	25,25	NV1
48	150606	Nguyễn Trần Khánh Ngân	Nữ	24/11/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	8,5	9	7,5	25	NV1
49	150961	Nguyễn Vũ Triều Thịnh	Nam	20/04/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	9	9,75	25	NV1
50	150466	Nguyễn Hồ Anh Khôi	Nam	07/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	9	8,25	25	NV1
51	150357	Dương Ngọc Như Huyền	Nữ	04/01/2011	Lý Thái Tổ	0	0	9	9	7	25	NV1
52	150691	Nguyễn Tuyết Nhi	Nữ	21/05/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,75	8,75	8,25	24,75	NV1
53	150780	Phạm Trần Hồng Quân	Nam	25/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	9,5	8,5	24,75	NV1
54	160178	Nguyễn Lê Diệu Hiền	Nữ	05/04/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	8,5	9	7,25	24,75	NV2
55	150788	Nguyễn Minh Quân	Nam	23/06/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	6,5	9	9,25	24,75	NV1
56	160690	Phan Ái Vy	Nữ	23/11/2011	Thái Nguyên	0	0	8,5	8,5	7,75	24,75	NV2
57	160199	Đình Gia Huy	Nam	25/10/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	8,5	9,5	6,75	24,75	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
58	160298	Bùi Hoàng Thuỳ Lâm	Nữ	09/04/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	8	7,75	9	24,75	NV2
59	160006	Nguyễn Bảo Khánh An	Nữ	09/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	9	8,75	24,75	NV2
60	140273	Nguyễn Lộc An	Nam	21/11/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7	8	9,75	24,75	NV2
61	160592	Phạm Việt Thắng	Nam	23/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	8,75	9,25	24,75	NV2
62	150100	Trần Quốc Bảo	Nam	21/06/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,5	8,75	8,5	24,75	NV1
63	160399	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	27/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	8,75	8	24,75	NV2
64	140750	Lee Laurence Nguyễn Huy	Nam	20/11/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7	7,75	10	24,75	NV2
65	160619	Lê Huyền Minh Thư	Nữ	06/02/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,5	9	8,25	24,75	NV2
66	160369	Phan Lê Ngọc Ny Ny	Nữ	04/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	9,25	7,75	24,75	NV2
67	160514	Vũ Minh Quân	Nam	09/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	8,75	9	24,75	NV2
68	160118	Đỗ Tấn Đạt	Nam	08/02/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	8,75	8,75	24,75	NV2
69	150752	Lê Quang Thiên Phúc	Nam	17/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	8,25	9,75	24,75	NV1
70	160277	Lê Ngọc Huy Khoa	Nam	25/12/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,75	8,25	8,75	24,75	NV2
71	140986	Lê Phúc Nhã Hân	Nữ	12/09/2011	Trần Nhật Duật	0	0	7,75	8,5	8,5	24,75	NV2
72	150625	Phạm Trung Nghĩa	Nam	24/01/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	8,75	9	24,75	NV1
73	160248	Huỳnh Trọng Khang	Nam	12/12/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	8,75	7,75	8,25	24,75	NV2
74	151175	Châu Đặng Như Ý	Nữ	10/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,25	9	8,5	24,75	NV1
75	150711	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	24/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,67	9	9	24,67	NV1
76	140179	Trần Nguyễn Như Ý	Nữ	06/05/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7,5	9,25	7,75	24,5	NV2
77	160353	Huỳnh Pháp Minh	Nam	22/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,25	9	8,25	24,5	NV2
78	160247	Ngô Tấn Khang	Nam	28/10/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	9	8,75	24,5	NV2
79	150727	Nguyễn Thanh Phi	Nam	24/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	9,5	8,25	24,5	NV1
80	160243	Vương Kiến Khang	Nam	10/02/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,25	8,25	8	24,5	NV2
81	160644	Nguyễn Hoàng Ngọc Trân	Nữ	14/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	8	8,25	8,25	24,5	NV2
82	140386	Trần Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	25/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,5	8,5	7,5	24,5	NV2
83	140548	Nguyễn Hà Mi	Nữ	07/07/2011	Trung Vương	0	0	7,5	8,75	8,25	24,5	NV2
84	140923	Nguyễn Trang Thủy	Nữ	03/03/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	8,5	9,25	24,5	NV2
85	140148	Nguyễn Lê Thanh Tùng	Nam	10/11/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	6	9	9,5	24,5	NV2
86	150981	Phạm Thu Thủy	Nữ	02/10/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	8,75	8	7,75	24,5	NV1
87	150082	Lê Quang Bách	Nam	07/06/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6	9	9,5	24,5	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
88	160134	Trần Ngọc Khánh Hà	Nữ	07/07/2011	Trung Vương	0	0	7	8,5	9	24,5	NV2
89	160661	Lê Thanh Trúc	Nữ	09/03/2011	Nguyễn Công Trứ-Bắc Nha Trang	0	0	7,5	9,5	7,5	24,5	NV2
90	160697	Trịnh Phương Vy	Nữ	13/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	9	8,75	24,5	NV2
91	160110	Bùi Nguyễn Thùy Dương	Nữ	14/05/2011	Thái Nguyên	0	0	7,25	8,75	8,5	24,5	NV2
92	150643	Trần Thị Thanh Ngọc	Nữ	03/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	9	7	8,5	24,5	NV1
93	160250	Đặng Lê Việt Khang	Nam	10/02/2011	Thái Nguyên	0	0	7	9	8,5	24,5	NV2
94	160061	Phạm Gia Bảo	Nam	30/08/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	8	8,25	8,25	24,5	NV2
95	160511	Nguyễn Minh Quân	Nam	08/04/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	9	8,75	24,5	NV2
96	160490	Lê Trần Mai Phương	Nữ	10/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	9	9	24,5	NV2
97	140279	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	Nam	16/01/2011	Phan Sào Nam	0	0	7,75	8,75	8	24,5	NV2
98	150327	Nguyễn Lê Gia Huy	Nam	18/03/2011	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	6,5	9,5	8,5	24,5	NV1
99	140528	Lê Tường Lam	Nữ	25/05/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7,5	9,25	7,75	24,5	NV2
100	150438	Trần An Khánh	Nam	14/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	8,5	9,75	24,5	NV1
101	140791	Đồng Bảo Lâm	Nam	18/04/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7	7,75	9,75	24,5	NV1
102	151170	Kiều Thị Kim Yến	Nữ	26/03/2011	Trung Vương	0	0	7,5	8,5	8,5	24,5	NV1
103	160680	Nguyễn Mai Thanh Vân	Nữ	21/08/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7	8	9,5	24,5	NV2
104	160249	Võ Trọng Khang	Nam	29/12/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,25	8,75	8,25	24,25	NV2
105	160585	Đặng Ngọc Thu Thảo	Nữ	11/12/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7	9	8,25	24,25	NV2
106	150496	Nguyễn Ngọc Thanh Liêm	Nam	03/02/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	5,5	8,75	10	24,25	NV1
107	140463	Huỳnh Nguyễn Khánh An	Nữ	19/12/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	8	9	7,25	24,25	NV1
108	150660	Trần Thị Khánh Nguyệt	Nữ	08/11/2011	Trung Vương	0	0	6,75	9	8,5	24,25	NV1
109	150334	Phạm Lê Huy	Nam	05/04/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	9	8,75	24,25	NV1
110	160187	Vũ Thị Khánh Hòa	Nữ	22/05/2011	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	8	9	7,25	24,25	NV2
111	160082	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	Nữ	02/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	9	7,5	24,25	NV2
112	150907	Trần Thanh Tùng	Nam	28/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,25	8,25	7,75	24,25	NV1
113	150714	Vân Thuận Như	Nữ	05/02/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	8,75	7,75	24,25	NV1
114	160301	Lê Hoàng Gia Linh	Nữ	10/05/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	8,5	8,75	24,25	NV2
115	140605	Nguyễn Lê Phúc Toàn	Nam	16/09/2011	Thái Nguyên	0	0	8,75	6,5	9	24,25	NV2
116	140028	Lưu Tùng Dương	Nam	05/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	8,5	9	24,25	NV2
117	150325	Nguyễn Gia Huy	Nam	18/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	7,75	9,75	24,25	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
118	140591	Nguyễn Ngọc Lan Phương	Nữ	13/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	7,75	8,5	24,25	NV1
119	151098	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	02/09/2011	Trung Vương	0	0	7,75	8,5	8	24,25	NV1
120	151061	Lê Minh Trí	Nam	27/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	8	8,25	24,25	NV1
121	140352	Lâm Như Quỳnh	Nữ	17/08/2011	Thái Nguyên	0	0	7	9	8,25	24,25	NV2
122	160381	Lê Phùng Khánh Ngân	Nữ	29/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	8,75	8,5	24,25	NV2
123	150058	Lê Huy Tuấn Anh	Nam	20/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	9,5	8,75	24,25	NV1
124	150364	Phạm Bảo Hưng	Nam	06/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	8,75	9	24,25	NV1
125	150126	Phạm Thị Hoàng Châu	Nữ	10/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8,25	7,5	8,5	24,25	NV1
126	151043	Lê Kim Bảo Trân	Nữ	04/05/2011	Mai Xuân Thường	1	0	7,5	8,75	7	24,25	NV1
127	160495	Vũ Nhật Phương	Nữ	16/05/2011	TH,iSchool Nha Trang	0	0	6,5	8,5	9,25	24,25	NV2
128	160473	Nguyễn Huy Phúc	Nam	07/11/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,5	8,5	8,25	24,25	NV2
129	160670	Nguyễn Hoàng Phương Uyên	Nữ	17/01/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	7,25	9	8	24,25	NV2
130	150888	Hoàng Anh Tuấn	Nam	08/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	8,5	8,75	24,25	NV1
131	151066	Phan Đình Bửu Trọng	Nam	08/01/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7,5	7,5	9,25	24,25	NV1
132	150460	Ngô Anh Khoa	Nam	12/11/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,25	8,25	8,75	24,25	NV1
133	150206	Lê Hoàng Giang	Nam	10/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	8,25	8,5	24,25	NV1
134	151150	Đỗ Thanh Vy	Nữ	24/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,5	8,5	8	24	NV1
135	150564	Đoàn Kiều My	Nữ	14/02/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	9	8,25	24	NV1
136	160373	Trần Hoàng Ngân	Nữ	02/03/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	8	9,5	6,5	24	NV2
137	140217	Trần Phúc Khang	Nam	29/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	8,75	8,25	24	NV2
138	150008	Nguyễn Trần Minh An	Nam	20/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	9	7	24	NV1
139	150152	Nguyễn Thiên Dung	Nữ	21/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,75	7	8,25	24	NV1
140	140200	Nguyễn Lê Khánh Hà	Nữ	18/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	9,5	7,5	24	NV2
141	150312	Dương Thái Hòa	Nam	30/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,25	8,5	9,25	24	NV1
142	150675	Võ Minh Nhật	Nam	15/10/2010	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	8,75	7,5	24	NV1
143	150120	Đinh Việt Cường	Nam	04/07/2011	Trung Vương	0	0	5,5	9	9,5	24	NV1
144	150405	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	Nữ	22/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	9	7,25	7,75	24	NV1
145	151018	Trần Nguyễn Khánh Trang	Nữ	23/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	8,75	8,75	24	NV1
146	150237	Nguyễn Trần Tuyết Hằng	Nữ	21/02/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	9,5	7	23,75	NV1
147	160583	Huỳnh Gia Thành	Nam	05/06/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	5,75	9,5	8,5	23,75	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
148	150190	Phạm Thành Đạt	Nam	15/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,25	8,25	8,25	23,75	NV1
149	160091	Hoàng Hạ Di	Nữ	25/10/2011	Thái Nguyên	0	0	6,5	9	8,25	23,75	NV2
150	150901	Nguyễn Thanh Tú	Nữ	18/09/2011	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	8,5	8,5	6,75	23,75	NV1
151	140332	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Nữ	12/07/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	8,25	8	7,5	23,75	NV2
152	150707	Nguyễn Lê Bảo Như	Nữ	20/02/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,25	8,5	9	23,75	NV1
153	140766	Nguyễn Ngọc Bảo Khang	Nữ	20/04/2011	Trung Vương	0	0	6	8	9,75	23,75	NV2
154	160469	Phan Hồng Gia Phúc	Nữ	26/06/2011	Thái Nguyên	0	0	7,25	8,75	7,75	23,75	NV2
155	160421	Phùng Bá Phúc Nguyên	Nam	06/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	9	7,25	23,75	NV2
156	140678	Phạm Hồ Thiên Ân	Nam	28/05/2011	TH,Việt Nam-Singapore	0	0	6	8,25	9,5	23,75	NV2
157	150914	Lương Gia Thái	Nam	11/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	9	6,75	23,75	NV1
158	140941	Nguyễn Minh Triết	Nam	14/06/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,5	8	9,25	23,75	NV2
159	140341	Nguyễn Ngọc Bảo Như	Nữ	17/07/2011	Thái Nguyên	0	0	8	8,25	7,5	23,75	NV2
160	160170	Nguyễn Trần Ngọc Hân	Nữ	27/03/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	6,75	8,75	8,25	23,75	NV2
161	151074	Nguyễn Văn Thanh Trúc	Nữ	05/02/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,75	8	8	23,75	NV1
162	140366	Phạm Bách Thịnh	Nam	14/03/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,75	9	8	23,75	NV2
163	151003	Nguyễn Anh Thy	Nữ	12/04/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,25	8,5	8	23,75	NV1
164	160211	Nguyễn Lê Khánh Huyền	Nữ	14/11/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,25	9	7,5	23,75	NV2
165	160186	Trần Nhật Hoàng	Nam	19/11/2011	Thái Nguyên	0	0	8	9	6,75	23,75	NV2
166	150923	Trương Phương Thảo	Nữ	08/05/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	8,5	8,25	23,75	NV1
167	160553	Nguyễn Trọng Tín	Nam	17/10/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	8,75	8	23,75	NV2
168	150880	Vũ Lã Đức Toàn	Nam	07/09/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	8,5	8,25	23,75	NV1
169	150046	Nguyễn Đoàn Phúc Anh	Nam	08/07/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7,5	9	7,25	23,75	NV1
170	150452	Lê Công Hà Khê	Nữ	10/04/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	8,25	6,75	8,75	23,75	NV1
171	160573	Nguyễn Duy Tường	Nam	21/01/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7	9	7,5	23,5	NV2
172	150320	Phan Đăng Huy	Nam	15/05/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7,75	9	6,75	23,5	NV1
173	160658	Trần Nguyễn Chí Trung	Nam	24/12/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	9	7,75	23,5	NV2
174	160665	Võ Nguyễn Đăng Trường	Nam	17/06/2011	Nguyễn Đình Chiểu	0	0	7,5	9	7	23,5	NV2
175	140430	Nguyễn Hoàng Minh Nhật	Nam	02/11/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,75	8	8,75	23,5	NV2
176	160111	Hoàng Vũ Dương	Nam	13/09/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	9	7,5	23,5	NV2
177	160237	Lê Nguyên Kỳ	Nam	10/07/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6	8,75	8,75	23,5	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
178	150762	Đặng Nguyễn Minh Phương	Nữ	24/09/2011	Trung Vương	0	0	6,75	8,5	8,25	23,5	NV1
179	160628	Lê Thị Hà Trang	Nữ	04/02/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	8,5	7,5	23,5	NV2
180	160304	Nguyễn Hải Linh	Nữ	21/06/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	9	7,75	23,5	NV2
181	140211	Nguyễn Mạnh Hưng	Nam	27/04/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	6,5	8,5	8,5	23,5	NV2
182	150271	Nguyễn Phúc Hậu	Nam	21/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	9	7,75	23,5	NV1
183	150003	Nguyễn Dương Bảo An	Nữ	15/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	7,75	8,25	23,5	NV1
184	150997	Nguyễn Quỳnh Thư	Nữ	05/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,25	9	7,25	23,5	NV1
185	151116	Bùi Quang Việt	Nam	12/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	8,5	8	23,5	NV1
186	150613	Trương Thị Thúy Ngân	Nữ	22/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	8,75	8,25	23,5	NV1
187	140978	Trần Đông Dương	Nam	13/09/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,75	8,75	7	23,5	NV2
188	150345	Trần Quốc Huy	Nam	03/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5,25	9	9,25	23,5	NV1
189	150470	Nguyễn Hoàng Khôi	Nam	23/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	8,5	9	23,5	NV1
190	160524	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	Nữ	02/01/2011	TH,iSchool Nha Trang	0	0	6,75	8,5	8,25	23,5	NV2
191	150160	Bùi Vũ Duy	Nam	29/11/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,25	8,75	9,5	23,5	NV1
192	150141	Thân Nhật Thành Danh	Nam	30/08/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	9	8,25	23,5	NV1
193	150644	Lê Anh Nguyên	Nam	29/11/2011	Võ Văn Ký	0	0	7,5	9	7	23,5	NV1
194	150784	Hoàng Minh Quân	Nam	11/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,5	8,5	7,5	23,5	NV1
195	150354	Trần Lê Khánh Huyền	Nữ	20/01/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	9,5	7,5	23,25	NV1
196	150979	Đặng Thanh Thủy	Nữ	24/04/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	8	8,75	6,5	23,25	NV1
197	160291	Ngô Nguyễn Bảo Lâm	Nam	29/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	8,5	6,75	23,25	NV2
198	150930	Nguyễn Trần Xuân Thảo	Nữ	17/01/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	8,75	8,25	23,25	NV1
199	140182	Phạm Văn An	Nam	14/07/2011	Trung Vương	0	0	6,5	9,5	7,25	23,25	NV2
200	140309	Nguyễn Thụy Vân Khánh	Nữ	26/05/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7,75	9	6,5	23,25	NV2
201	150777	Trần Anh Quân	Nam	18/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,75	8,5	9	23,25	NV1
202	150410	Huỳnh Trung Kha	Nam	18/12/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,5	9	6,75	23,25	NV1
203	160516	Lê Thái Quân	Nam	09/06/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,5	9	7,75	23,25	NV2
204	160343	Nguyễn Gia Minh	Nam	19/12/2011	Trung Vương	0	0	6	9	8,25	23,25	NV2
205	150843	Phạm Minh Tâm	Nam	09/05/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	8	9	23,25	NV1
206	140244	Vũ Lê An Nhiên	Nữ	09/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8,75	9	5,5	23,25	NV2
207	150498	Nguyễn Thị Quỳnh Liên	Nữ	02/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	8,5	7,5	23,25	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
208	160401	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	15/11/2011	Trung Vương	0	0	7,25	9	7	23,25	NV2
209	150527	Nguyễn Đình Lưu	Nam	23/02/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	8,75	8,25	23,25	NV1
210	160073	Bùi Ngọc Bảo Châu	Nữ	23/04/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	9	7,25	23,25	NV2
211	150759	Lê Nguyễn Hà Phương	Nữ	19/03/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	7,5	8,75	23,25	NV1
212	160354	Lê Võ Phúc Minh	Nam	16/09/2011	Thái Nguyên	0	0	7,25	6,25	9,75	23,25	NV2
213	160609	Doãn Thị Cẩm Thúy	Nữ	09/02/2011	Thái Nguyên	0	0	8	7,75	7,5	23,25	NV2
214	150350	Phạm Xuân Huy	Nam	03/12/2011	Âu Cơ-Nha Trang	1	0	7,5	8,75	6	23,25	NV1
215	150872	Phan Trần Tiến	Nam	10/12/2011	Trung Vương	0	0	7	9	7,25	23,25	NV1
216	150942	Trần Huỳnh Ngọc Thiên	Nam	21/04/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,5	8	7,75	23,25	NV1
217	150887	Huỳnh Lê Ngọc Tuấn	Nam	16/01/2011	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	6,5	9	7,75	23,25	NV1
218	160521	Trần Nguyễn Ngọc Quỳnh Quyên	Nữ	02/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,5	8,5	7	23	NV2
219	140622	Lê Ngọc Bảo Trang	Nữ	24/09/2011	Trung Vương	0	0	7,75	8,5	6,75	23	NV2
220	150980	Hồ Thanh Thủy	Nữ	13/07/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	8	8,5	6,5	23	NV1
221	151009	Lê Hoàng Khánh Thy	Nữ	29/11/2011	Nguyễn Công Trứ-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	8,75	7,5	23	NV1
222	140308	Hồ Thái Khang	Nam	17/03/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7,25	9	6,75	23	NV2
223	151103	Đào Nhã Vân	Nữ	04/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	9	6,25	23	NV1
224	160679	Lưu Khánh Vân	Nữ	26/04/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	8,5	8,5	6	23	NV2
225	150547	Nguyễn Gia Minh	Nam	09/04/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,75	8,75	5,5	23	NV1
226	151023	Trần Ngọc Thanh Trang	Nữ	18/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	8,75	8	23	NV1
227	160456	Võ Lâm Như	Nữ	24/04/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	8	8,25	6,75	23	NV2
228	140295	Nguyễn Trọng Hoàng	Nam	31/10/2011	Thái Nguyên	0	0	8	9,5	5,5	23	NV1
229	150436	Trần Vũ Khang	Nam	27/11/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	8,75	8	23	NV1
230	150475	Trần Diệp Thảo Khuê	Nữ	30/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	9,25	6,75	23	NV1
231	150196	Nguyễn Hữu Đình	Nam	11/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5,5	8,25	9,25	23	NV1
232	140290	Trần Minh Hà	Nữ	22/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	8,75	7,5	23	NV2
233	160530	Hồ Dương Phương Quỳnh	Nữ	24/05/2011	Thái Nguyên	0	0	7,75	8	7,25	23	NV2
234	150045	Lê Võ Phi Anh	Nam	20/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	7,75	8,25	23	NV1
235	150836	Nguyễn Đoàn Phúc Tài	Nam	08/07/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7	9	7	23	NV1
236	150303	Ngô Lê Nhật Hoàng	Nam	28/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	8,5	7,5	23	NV1
237	150280	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	17/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8,5	7,75	6,75	23	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
238	150738	Nguyễn Gia Phú	Nam	16/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	8,25	8,75	23	NV1
239	150155	Đỗ Đức Duy	Nam	26/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	8,75	6,75	23	NV1
240	150828	Trần Quốc Sang	Nam	18/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	8,5	8	23	NV1
241	151157	Phạm Dương Triệu Vy	Nữ	09/02/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	9	7	22,75	NV1
242	150600	Trần Kim Ngân	Nữ	07/10/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	8,25	8	6,5	22,75	NV1
243	150968	Trần Thị Ngọc Thu	Nữ	11/12/2011	Phan Sào Nam	0	0	7,25	8,75	6,75	22,75	NV1
244	150349	Võ Cao Tuấn Huy	Nam	18/11/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	5,25	9	8,5	22,75	NV1
245	160659	Nguyễn Thành Trung	Nam	27/11/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	8,75	6,75	22,75	NV2
246	160408	Trần Lê Khánh Ngọc	Nữ	08/12/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	9	6,5	22,75	NV2
247	150560	Phạm Lưu Giáng My	Nữ	11/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	9	7,75	22,75	NV1
248	151106	Vũ Thanh Vân	Nữ	27/05/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	8,25	8	6,5	22,75	NV1
249	150877	Nguyễn Trọng Tín	Nam	26/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,5	9	6,25	22,75	NV1
250	151124	Hùng Quang Vinh	Nam	19/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	8,5	7	22,75	NV1
251	150946	Huỳnh Mai Đức Thiện	Nam	07/04/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	9	7	22,75	NV1
252	150463	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	Nam	03/06/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	5,25	8,5	9	22,75	NV1
253	150038	Nguyễn Kim Anh	Nữ	04/05/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,5	8,75	7,5	22,75	NV1
254	150514	Trương Văn Lộc	Nam	05/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	8,5	8,25	22,75	NV1
255	160031	Lưu Kiều Anh	Nữ	17/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	7,75	7,75	22,75	NV2
256	150676	Trần Tiến Nhật	Nam	29/06/2011	Phan Sào Nam	0	0	7,75	8,25	6,75	22,75	NV1
257	150801	Nguyễn Ngọc Quyên	Nữ	02/02/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	8	7,75	22,75	NV1
258	150823	Lê Thanh Quỳnh	Nữ	06/02/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7	8,75	7	22,75	NV1
259	140631	Phạm Huỳnh Thanh Trúc	Nữ	02/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,5	7,75	7,5	22,75	NV2
260	150709	Trần Phúc Gia Như	Nữ	19/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	7,75	8,25	22,75	NV1
261	150481	Võ Nguyễn An Lành	Nữ	18/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	7,5	8,25	22,75	NV1
262	150958	Nguyễn Phú Thịnh	Nam	26/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	9	6,75	22,75	NV1
263	140692	Võ Đào Kim Chi	Nữ	01/07/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,5	7,25	9	22,75	NV1
264	150191	Trương Thành Đạt	Nam	16/09/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	6,5	9,5	6,75	22,75	NV1
265	150122	Biện Bảo Châu	Nữ	03/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	8,5	6,5	22,75	NV1
266	140995	Phạm Trịnh Hưng	Nam	10/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	9,25	5,75	22,75	NV1
267	150904	Huỳnh Nguyễn Hoàng Tùng	Nam	19/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	7,25	9	22,75	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
268	150279	Trần Quang Hiếu	Nam	09/04/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	8,25	8,5	22,75	NV1
269	150464	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	09/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	8,75	7	22,75	NV1
270	150285	Trần Ngọc Thu Hiền	Nữ	16/10/2011	Nguyễn Công Trứ-Bắc Nha Trang	0	0	8,25	9	5,25	22,5	NV1
271	150740	Bùi Nguyễn Viết Phú	Nam	30/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5	8,25	9,25	22,5	NV1
272	140534	Quách Khánh Linh	Nữ	01/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	8,5	8	22,5	NV2
273	150043	Lê Thị Ngọc Anh	Nữ	15/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,25	8	6,25	22,5	NV1
274	150420	Trịnh Đình Khang	Nam	02/03/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6	8,25	8,25	22,5	NV1
275	150874	Nguyễn Thành Tín	Nam	02/02/2011	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	8	8,75	5,75	22,5	NV1
276	141022	Ngô Xuân Tùng	Nam	13/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	8,25	6,5	22,5	NV2
277	151055	Lê Võ Hoàng Triều	Nam	29/11/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	5,5	9	8	22,5	NV1
278	141014	Trần Thiện Nhân	Nam	25/06/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	5,75	8	8,75	22,5	NV1
279	170110	Phạm Lê Minh Châu	Nữ	28/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	7,75	6,75	22,5	NV2
280	150553	Nguyễn Lê Nhật Minh	Nam	08/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	8,75	7,25	22,5	NV1
281	170841	Lê Song Thu	Nữ	12/11/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,5	6,75	9,25	22,5	NV2
282	150704	Lê Nguyên An Như	Nữ	15/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	8,75	7	22,5	NV1
283	150893	Nguyễn Dương Tuệ	Nam	21/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,75	8,25	8,5	22,5	NV1
284	150332	Võ Gia Huy	Nam	03/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	8,5	7,25	22,5	NV1
285	140387	Nguyễn Phúc Bảo Châu	Nữ	18/04/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	7,75	9	5,75	22,5	NV2
286	170092	Nguyễn Thanh Bình	Nam	03/11/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7	8	7,5	22,5	NV2
287	150975	Huỳnh Minh Thùy	Nữ	23/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,5	8	7	22,5	NV1
288	150829	Vũ Bùi Tuấn Sang	Nam	11/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	8,5	6,25	22,5	NV1
289	160551	Nguyễn Mạnh Tiến	Nam	27/09/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7	8	7,5	22,5	NV2
290	150252	Lê Gia Hân	Nữ	25/03/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,25	8,5	6,75	22,5	NV1
291	150417	Võ Chí Khang	Nam	01/09/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	6,25	9	7,25	22,5	NV1
292	170489	Kỳ Đại Nam	Nam	18/06/2011	Trần Nhật Duật	0	0	7	8,25	7,25	22,5	NV2
293	170175	Trần Anh Hào	Nam	16/11/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	9	6,75	22,5	NV2
294	170757	Nguyễn Việt Tùng	Nam	01/11/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	6	8,5	8	22,5	NV2
295	151133	Trương Gia Vũ	Nam	04/05/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7	8,5	7	22,5	NV1
296	141028	Tạ Đại Thịnh	Nam	28/05/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7	8,25	7,25	22,5	NV2
297	170587	Trần Ngọc Quỳnh Nhi	Nữ	08/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	8	8,25	6	22,25	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
298	150184	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	18/06/2009	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,5	8,75	7	22,25	NV1
299	170710	Nguyễn Lê Phương Quỳnh	Nữ	16/11/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	7,75	7,5	22,25	NV2
300	170181	Huỳnh Phú Hải	Nam	04/07/2011	Trung Vương	0	0	6,25	8	8	22,25	NV2
301	170551	Nguyễn Khôi Nguyên	Nam	07/02/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,5	8,75	6	22,25	NV2
302	160133	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	Nữ	29/11/2011	Trung Vương	0	0	7	9	6,25	22,25	NV2
303	140440	Nguyễn Vương Sơn	Nam	19/07/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	8,5	7,75	6	22,25	NV1
304	170521	Phạm Trần Gia Nghi	Nữ	18/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	9,5	6,75	22,25	NV2
305	150633	Đỗ Khánh Ngọc	Nữ	13/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	7,5	6,75	22,25	NV1
306	150530	Nguyễn Thị Ly	Nữ	10/04/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	6,5	8,5	7,25	22,25	NV1
307	170114	Đào Khánh Chi	Nữ	23/02/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	8	6,75	22,25	NV2
308	140073	Vũ Ngọc Khánh	Nam	08/03/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	8,75	6,5	22,25	NV1
309	150363	Hoàng Nguyên Hùng	Nam	25/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	8,75	7	22,25	NV1
310	140741	Nguyễn Gia Hoàng	Nam	19/12/2011	Trung Vương	0	0	5	9,5	7,75	22,25	NV2
311	150011	Lê Quang Tâm An	Nam	20/01/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	6,5	9	6,75	22,25	NV1
312	150278	Phan Nhất Hiếu	Nam	18/01/2011	Phan Sào Nam	0	0	7,75	7,25	7,25	22,25	NV1
313	170146	Huỳnh Tiến Đạt	Nam	06/12/2011	Trung Vương	0	0	5,5	8,75	8	22,25	NV2
314	151000	Nguyễn Hoàng Anh Thương	Nữ	03/07/2011	Trung Vương	0	0	7,25	8	7	22,25	NV1
315	140406	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	18/12/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	6,75	8,5	7	22,25	NV1
316	160388	Phạm Phúc Nghi	Nữ	06/10/2011	TH,iSchool Nha Trang	0	0	6,25	8,75	7,25	22,25	NV2
317	170688	Trương Tân Quân	Nam	22/10/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	4,25	9	9	22,25	NV2
318	170944	Nguyễn Trần Bảo Vy	Nữ	27/01/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	8,5	5,75	8	22,25	NV2
319	160636	Đinh Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	12/10/2011	Mai Xuân Thưởng	0	0	7,75	7,25	7,25	22,25	NV2
320	170514	Lê Trần Thảo Ngân	Nữ	02/11/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7	8,25	6,75	22	NV2
321	160698	Trịnh Thị Tường Vy	Nữ	28/06/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	9	6	22	NV2
322	140533	Huỳnh Nguyễn Khánh Linh	Nữ	10/03/2011	Thái Nguyên	0	0	7,5	8,75	5,75	22	NV2
323	170863	Nguyễn Hồ Bảo Trâm	Nữ	03/09/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	9	6,25	22	NV2
324	151017	Trần Huỳnh Khánh Trang	Nữ	17/02/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	8,5	8	5,5	22	NV1
325	170403	Hoàng Hà Linh	Nữ	22/04/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	5,25	8,75	22	NV2
326	170795	Nguyễn Thụy Diệu Thiện	Nữ	29/01/2011	Trung Vương	0	0	7	7,75	7,25	22	NV2
327	170663	Trần Thanh Phương	Nữ	26/05/2011	Thái Nguyên	0	0	6,75	8,5	6,75	22	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
328	170701	Lê Trịnh Trúc Quyên	Nữ	11/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	9	6	22	NV2
329	150071	Mai Thị Ngọc Ánh	Nữ	30/08/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6	8,5	7,5	22	NV1
330	160515	Trần Tùng Quân	Nam	12/10/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	6,5	8,25	7,25	22	NV2
331	170329	Nguyễn Đức Phúc Khang	Nam	02/10/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6	7,5	8,5	22	NV2
332	140630	Phạm Đặng Phương Trúc	Nữ	15/06/2011	Trưng Vương	0	0	8,25	7,25	6,5	22	NV2
333	170204	Đinh Gia Hân	Nữ	04/03/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7	8,25	6,75	22	NV2
334	150308	Nguyễn Khánh Hòa	Nam	29/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	5,75	9	7,25	22	NV1
335	150042	Trần Ngọc Minh Anh	Nữ	27/03/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	6,5	7	8,5	22	NV1
336	150358	Dương Thanh Huyền	Nữ	08/04/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,25	7	7,75	22	NV1
337	160197	Trần Đông Huy	Nam	06/01/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,5	9	6,5	22	NV2
338	151107	Lê Thảo Vân	Nữ	29/03/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	9	6	22	NV1
339	170005	Nguyễn Khánh An	Nữ	25/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	7,75	6,75	22	NV2
340	150366	Trần Duy Hưng	Nam	13/01/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,5	9,5	6	22	NV1
341	151083	Nguyễn Trần Bảo Uyên	Nữ	09/08/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	8,5	6,5	22	NV1
342	151063	Phạm Minh Trí	Nam	13/01/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7	8,75	6,25	22	NV1
343	150562	Đặng Hoàng Hà My	Nữ	14/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,25	8,5	7,25	22	NV1
344	150489	Bùi Tùng Lâm	Nam	21/11/2011	Võ Văn Ký	0	0	7	8,75	6,25	22	NV1
345	150340	Nguyễn Nhật Huy	Nam	12/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	9	6,25	22	NV1
346	170086	Nguyễn Dương Ngọc Bích	Nữ	24/03/2011	Trần Nhật Duật	0	0	7	8,25	6,75	22	NV2
347	150602	Dương Hoàng Khánh Ngân	Nữ	05/03/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,25	8	6,75	22	NV1
348	160105	Phan Hùng Dũng	Nam	23/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5	8,75	8,25	22	NV2
349	150694	Lê Đình Uyển Nhi	Nữ	28/11/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	8,5	6	21,75	NV1
350	140959	Bùi Phạm Phương Vy	Nữ	01/07/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	7,5	7,25	21,75	NV2
351	170616	Lê Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	28/09/2011	Võ Văn Ký	0	0	7,25	8,25	6,25	21,75	NV2
352	170264	Phạm Gia Huy	Nam	26/11/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,25	7,75	7,75	21,75	NV2
353	170740	Phạm Minh Tiến	Nam	26/09/2011	Trưng Vương	0	0	6	7,5	8,25	21,75	NV2
354	170413	Vũ Trần Khánh Linh	Nữ	24/10/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7	9	5,75	21,75	NV2
355	160589	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	30/07/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	5,75	8,25	7,75	21,75	NV2
356	150859	Trần Nhựt Tiên	Nữ	27/12/2011	Trưng Vương	0	0	6,5	9	6,25	21,75	NV1
357	170626	Nguyễn Trường Phát	Nam	16/05/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	8,25	6,5	21,75	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
358	170215	Hồng Hân Hân	Nữ	31/01/2011	Trung Vương	0	0	6,75	8,25	6,75	21,75	NV2
359	140109	Nguyễn Song Trung Nhân	Nam	29/09/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	5,5	8,75	7,5	21,75	NV2
360	170572	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	Nữ	03/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	8,5	5,5	21,75	NV2
361	151052	Phạm Ngọc Trân	Nữ	15/12/2011	Trung Vương	0	0	7	8,75	6	21,75	NV1
362	140191	Nguyễn Ngọc Kỳ Duyên	Nữ	15/01/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	9	6,25	21,75	NV2
363	150802	Lê Thị Nhật Quyên	Nữ	21/08/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	5,25	9	7,5	21,75	NV1
364	170840	Nguyễn Trần Minh Thư	Nữ	28/05/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,5	8,25	7	21,75	NV2
365	140284	Đặng Thành Đạt	Nam	18/05/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,75	8	6	21,75	NV1
366	150437	Hồ Ngô An Khánh	Nữ	17/06/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	7,5	8	21,75	NV1
367	151025	Nguyễn Thị Thảo Trang	Nữ	30/07/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,5	7,75	6,5	21,75	NV1
368	170886	Cao Thiện Trí	Nam	27/06/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,5	6,75	8,5	21,75	NV2
369	140752	Hồ Thanh Gia Hưng	Nam	11/04/2011	Trung Vương	0	0	5,75	6,25	9,75	21,75	NV2
370	170925	Hồ Nhật Mỹ Vân	Nữ	30/09/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,5	7	7,25	21,75	NV2
371	170687	Nguyễn Minh Quân	Nam	22/11/2011	Thái Nguyên	0	0	5,75	9	7	21,75	NV2
372	140057	Nguyễn Phú Hưng	Nam	01/06/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	5,75	8,25	7,75	21,75	NV2
373	150265	Võ Ngọc Gia Hân	Nữ	05/09/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,75	6,75	7,25	21,75	NV1
374	160435	Huỳnh Nguyễn Minh Nhân	Nam	15/03/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,25	7,5	8	21,75	NV2
375	150905	Nguyễn Ngọc Thanh Tùng	Nam	20/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	8,25	7	21,75	NV1
376	151094	Võ Thục Uyên	Nữ	27/03/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7	8,5	6,25	21,75	NV1
377	170237	Lương Thị Ngọc Hiền	Nữ	21/04/2010	Trần Nhật Duật	0	0	6,5	8,75	6,5	21,75	NV2
378	170384	Nguyễn Hải Lam	Nữ	08/06/2011	Trần Quốc Toản-Nha Trang	0	0	5	7,75	9	21,75	NV2
379	150392	Nguyễn Trung Kiên	Nam	08/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	8,5	6	21,75	NV1
380	170853	Nguyễn Thị Đoan Trang	Nữ	18/07/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	8,5	5,75	21,5	NV2
381	150177	Phan Ngọc Đan	Nữ	09/05/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6	8,5	7	21,5	NV1
382	150948	Trần Khánh Thiện	Nam	13/12/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	8	7,25	21,5	NV1
383	170582	Huỳnh Trần Mỹ Nhi	Nữ	16/07/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7,75	8,5	5,25	21,5	NV2
384	160045	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	28/05/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,75	8,5	5,25	21,5	NV2
385	160229	Vũ Khắc Tuấn Kiệt	Nam	12/08/2011	Bùi Thị Xuân-Nha Trang	0	0	6,25	8,75	6,5	21,5	NV2
386	170266	Trần Lê Gia Huy	Nam	01/07/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,5	8,75	6,25	21,5	NV2
387	160620	Nguyễn Trần Minh Thư	Nữ	12/10/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	9	5,75	21,5	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
388	150074	Nguyễn Thị Hồng Ân	Nữ	02/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	9	8,5	4	21,5	NV1
389	170658	Nguyễn Lan Phương	Nữ	19/09/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	6,25	7,5	7,75	21,5	NV2
390	150377	Đoàn Nguyễn Quốc Hưng	Nam	17/12/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6	8,5	7	21,5	NV1
391	140892	Lê Bảo Tiên	Nữ	22/05/2011	Thái Nguyên	0	0	5,5	7,75	8,25	21,5	NV2
392	160536	Trương Tấn Tài	Nam	21/02/2011	Võ Văn Ký	0	0	8	8,25	5,25	21,5	NV2
393	140484	Phan Nguyên Bách	Nam	22/08/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	8	9	4,5	21,5	NV2
394	151036	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm	Nữ	25/07/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,75	8	6,75	21,5	NV1
395	150441	Lê Nguyễn Ngọc Khánh	Nữ	31/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	7	7,25	21,5	NV1
396	150148	Lê Xuân Diệu	Nữ	26/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	7	6,75	21,5	NV1
397	150679	Vũ Thái Ngọc Bảo Nhi	Nữ	15/07/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7	9	5,5	21,5	NV1
398	170458	Lê Ngọc Minh	Nữ	06/02/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	7,5	8,75	5,25	21,5	NV2
399	150501	Bùi Thị Phương Linh	Nữ	30/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,5	8	5	21,5	NV1
400	170550	Trần Dương Kim Nguyên	Nữ	18/01/2011	Bùi Thị Xuân-Nha Trang	0	0	7,75	8,5	5,25	21,5	NV2
401	140688	Đinh Huỳnh Khánh Bình	Nữ	20/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	7,5	6,75	21,5	NV2
402	170165	Ngô Khánh Hà	Nữ	20/04/2011	Phan Sào Nam	0	0	7,75	8,5	5,25	21,5	NV2
403	150898	Nguyễn Lê Anh Tú	Nam	14/11/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,75	8,5	5,25	21,5	NV1
404	160099	Nguyễn Kim Dung	Nữ	06/07/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	8	9	4,5	21,5	NV2
405	151125	Trần Quang Vinh	Nam	09/02/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	6,75	8	21,5	NV1
406	150250	Huỳnh Trần Gia Hân	Nữ	21/11/2011	Trung Vương	0	0	5,25	8,75	7,5	21,5	NV1
407	150054	Phạm Quỳnh Anh	Nữ	03/06/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	8	8,25	5,25	21,5	NV1
408	150069	Đặng Việt Anh	Nam	05/01/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	6,75	7,75	21,5	NV1
409	150433	Lương Quốc Khang	Nam	07/05/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,17	8,75	6,5	21,42	NV1
410	170952	Huỳnh Lê Nhật Vy	Nữ	21/04/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	8,75	6,25	21,25	NV2
411	140338	Nguyễn Trí Nhân	Nam	07/06/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	8,25	6,75	21,25	NV2
412	170703	Nguyễn Ngọc Thành Quyết	Nam	04/11/2011	Cao Thắng	0	0	6	7,75	7,5	21,25	NV2
413	150783	Đặng Nguyễn Minh Quân	Nam	06/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	7,5	7,25	21,25	NV1
414	140565	Phan Hoàng Linh Ngọc	Nữ	07/07/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,25	9,25	4,75	21,25	NV2
415	150399	Lê Tuấn Kiệt	Nam	28/06/2011	Phan Sào Nam	0	0	6,75	8	6,5	21,25	NV1
416	170010	Bùi Thoại An	Nam	06/04/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	6,75	7,75	6,75	21,25	NV2
417	170247	Ngô Việt Hoàng	Nam	18/10/2011	Trung Vương	0	0	6,25	8,25	6,75	21,25	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
418	160076	Đặng Ngọc Hoàng Châu	Nữ	30/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	7,75	5,75	21,25	NV2
419	150850	Tô Thành Tâm	Nam	16/08/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7,5	9	4,75	21,25	NV1
420	170696	Lương Ngọc Quyên	Nữ	03/01/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8,25	7,75	5,25	21,25	NV2
421	150227	Lê Thanh Hải	Nam	05/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,5	8,75	7	21,25	NV1
422	150356	Ngô Nhật Huyền	Nữ	06/05/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,5	8,75	5	21,25	NV1
423	160431	Huỳnh Thanh Nhã	Nữ	08/11/2011	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	6,25	8,5	6,5	21,25	NV2
424	170029	Nguyễn Minh Anh	Nữ	08/01/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	5	8,75	7,5	21,25	NV2
425	170540	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	27/08/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	5,75	8,75	6,75	21,25	NV2
426	140847	Liêu Minh Nguyên	Nam	30/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	5,25	8	21,25	NV1
427	150050	Nguyễn Phương Anh	Nữ	22/10/2010	Mai Xuân Thường	0	0	8	5,75	7,5	21,25	NV1
428	140526	Nguyễn Nhã Lam	Nữ	01/10/2011	Thái Nguyên	0	0	7,25	8,5	5,5	21,25	NV2
429	151122	Dương Đặng Hoàng Vinh	Nam	30/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	7,75	6,75	21,25	NV1
430	170039	Trần Bình Phương Anh	Nữ	28/03/2011	Trung Vương	0	0	6,25	8	7	21,25	NV2
431	170275	Phạm Quang Huy	Nam	15/03/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	6,25	7,25	7,75	21,25	NV2
432	160180	Trần Đông Hoàng	Nam	06/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,5	9,5	6,25	21,25	NV2
433	150409	Phan Nguyễn Tuấn Kha	Nam	28/02/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,5	8	5,75	21,25	NV1
434	150028	Phạm Thị Hải Anh	Nữ	13/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5,75	8,5	7	21,25	NV1
435	151139	Hoàng Nhật Vượng	Nam	10/06/2011	TH,iSchool Nha Trang	0	0	5,5	8	7,75	21,25	NV1
436	150998	Văn Giã Thanh Thu	Nữ	14/08/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6	8	7	21	NV1
437	140214	Lê Võ Hoàng Kim	Nữ	24/09/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	5,5	8,75	6,75	21	NV2
438	150129	Phan Lê Minh Châu	Nữ	18/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	8	6,25	21	NV1
439	150778	Lê Võ Đông Quân	Nam	04/11/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6	9,5	5,5	21	NV1
440	170072	Huỳnh Nguyễn Gia Bảo	Nam	14/12/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6	8,75	6,25	21	NV2
441	150065	Võ Nguyễn Trâm Anh	Nữ	18/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	7	6	21	NV1
442	140159	Huỳnh Hoàng Bảo Thy	Nữ	25/06/2011	Trung Vương	0	0	6,5	9	5,5	21	NV2
443	150630	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	Nữ	21/03/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	8,25	6	21	NV1
444	151085	Võ Ngọc Bảo Uyên	Nữ	15/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	7	6,5	21	NV1
445	150149	Đinh Ngọc Khả Doanh	Nữ	21/09/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	7	7,75	21	NV1
446	170184	Trần Sĩ Hào	Nam	19/07/2011	Trung Vương	0	0	4,5	8,75	7,75	21	NV2
447	170217	Nguyễn Lê Khả Hân	Nữ	28/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	6,75	7,25	21	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
448	150934	Phan Anh Thi	Nữ	01/04/2011	Trung Vương	1	0	3,75	8	8,25	21	NV1
449	170278	Trần Hồng Quốc Huy	Nam	11/01/2011	Trung Vương	0	0	6,5	9	5,5	21	NV2
450	150185	Sử Tiến Đạt	Nam	29/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	8,75	6,25	21	NV1
451	170614	Lê Ngọc Như	Nữ	29/07/2011	Lương Định Của	0	0	7,25	7	6,75	21	NV2
452	140216	Trần Vũ Duy Khang	Nam	14/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	8,25	6,75	21	NV2
453	150813	Nguyễn Hồ Ngọc Quỳnh	Nữ	21/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	8,25	6,25	21	NV1
454	150917	Phạm Tân Thành	Nam	12/12/2011	Võ Văn Ký	0	0	8	7,5	5,5	21	NV1
455	160655	Nguyễn Phước Trí	Nam	02/04/2011	Thái Nguyên	0	0	7,5	6,5	7	21	NV2
456	150855	Lê Mạnh Tấn	Nam	26/10/2011	Trung Vương	0	0	5,25	8,25	7,5	21	NV1
457	150145	Phạm Thị Ngọc Diệu	Nữ	27/11/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7	7,75	6,25	21	NV1
458	150885	Trần Quang Toàn	Nam	04/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	9	5	21	NV1
459	150556	Đặng Quang Minh	Nam	26/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	8,75	5,5	21	NV1
460	170610	Nguyễn Lâm Huyền Như	Nữ	21/05/2010	TH,iSchool Nha Trang	0	0	7,5	7,75	5,75	21	NV2
461	170805	Nguyễn Phú Thịnh	Nam	07/11/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	4,67	7,75	8,5	20,92	NV2
462	170450	Trần Bình Minh	Nam	04/11/2011	Trung Vương	0	0	5,83	6,5	8,5	20,83	NV2
463	160204	Trương Gia Huy	Nam	16/04/2011	Võ Văn Ký	0	0	6,5	8,75	5,5	20,75	NV2
464	140621	Nguyễn Ngọc Thanh Thu	Nữ	28/04/2011	Nguyễn Công Trứ-Bắc Nha Trang	0	0	7,75	8	5	20,75	NV1
465	170136	Trần Minh Dương	Nam	12/06/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	8,5	8	4,25	20,75	NV2
466	150986	Lê Quỳnh Anh Thu	Nữ	17/06/2011	Nguyễn Công Trứ-Bắc Nha Trang	0	0	5,75	8,5	6,5	20,75	NV1
467	150161	Nguyễn Nhật Băng Duyên	Nữ	16/09/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,75	8	5	20,75	NV1
468	151152	Thịnh Thanh Vy	Nữ	24/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	9,25	4,25	20,75	NV1
469	150033	Nguyễn Đặng Hoàng Anh	Nam	20/08/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	3,75	9	8	20,75	NV1
470	170108	Nguyễn Minh Châu	Nam	24/05/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	8	8,5	4,25	20,75	NV2
471	150276	Lê Trần Minh Hiếu	Nam	23/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	6,5	7,75	20,75	NV1
472	150268	Bùi Lê Ngọc Hân	Nữ	23/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	7,75	6	20,75	NV1
473	160143	Trần Quốc Hào	Nam	03/04/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	6,5	8,5	5,75	20,75	NV2
474	150631	Võ Trần Bảo Ngọc	Nữ	04/02/2011	Trung Vương	0	0	6,5	7,5	6,75	20,75	NV1
475	150532	Nguyễn Zy Ly	Nữ	24/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	8,25	6,5	20,75	NV1
476	150484	Lê Gia Lâm	Nam	18/10/2011	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	6,5	7,75	6,5	20,75	NV1
477	150317	Phạm Anh Huy	Nam	21/03/2011	Trung Vương	0	0	6	8,25	6,5	20,75	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
478	150361	Lê Hùng	Nam	09/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	4,25	9	7,5	20,75	NV1
479	150485	Nguyễn Hoàng Lâm	Nam	07/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	8,5	4,5	20,75	NV1
480	150092	Phạm Gia Bảo	Nam	31/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	4,25	9	7,5	20,75	NV1
481	150525	Trần Thành Luân	Nam	04/06/2011	Phan Sào Nam	0	0	3,75	8,75	8,25	20,75	NV1
482	170646	Nguyễn Lê Hoàng Phúc	Nam	23/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	8,75	5,25	20,75	NV2
483	170388	Nguyễn Bảo Phi Lâm	Nam	14/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	7,75	7	20,75	NV2
484	150955	Nguyễn Duy Thịnh	Nam	03/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,5	9	6,25	20,75	NV1
485	150162	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	Nữ	18/04/2011	Nguyễn Hiền-Nam Nha Trang	0	0	7	8	5,75	20,75	NV1
486	150619	Trần Ngọc Gia Nghi	Nữ	21/05/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	7	7	20,75	NV1
487	150471	Ngô Minh Khôi	Nam	07/11/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	4,75	8	8	20,75	NV1
488	150331	Trịnh Nguyễn Gia Huy	Nam	17/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	8,25	6	20,75	NV1
489	170120	Nguyễn Lưu Trúc Diễm	Nữ	24/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	8,75	4,25	20,75	NV2
490	150918	Trịnh Tấn Thành	Nam	11/07/2011	Trung Vương	0	0	6,25	9	5,5	20,75	NV1
491	170515	Dương Thụy Thiên Ngân	Nữ	12/12/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	6,75	8,25	5,75	20,75	NV2
492	150637	Trương Quang Khánh Ngọc	Nữ	05/03/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	6,75	7,25	6,75	20,75	NV1
493	150455	Lê Quang Quốc Khiêm	Nam	16/11/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	8	6,5	6,25	20,75	NV1
494	170569	Ngô Quốc Nhật	Nam	08/02/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	5,75	9	5,75	20,5	NV2
495	170233	Phạm Nguyễn Trung Hiếu	Nam	02/01/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	8,75	5	20,5	NV2
496	150947	Trần Đức Thiện	Nam	09/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	7	6,75	20,5	NV1
497	150434	Nguyễn Hà Thiên Khang	Nam	22/01/2011	Nguyễn Công Trứ-Bắc Nha Trang	0	0	7	8,25	5,25	20,5	NV1
498	151186	Tô Cao Ngọc Như Ý	Nữ	08/06/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	5,75	8	6,75	20,5	NV1
499	160272	Hồ Đăng Khoa	Nam	08/07/2011	Trung Vương	0	0	7,75	8,5	4,25	20,5	NV2
500	140275	Phan Đăng Nguyên Anh	Nữ	06/05/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	8,75	5,5	20,5	NV2
501	170151	Nguyễn Chí Hải Đăng	Nam	20/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,25	9	4,25	20,5	NV2
502	140223	Lê Đình Khôi	Nam	16/02/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,5	9,25	5,75	20,5	NV2
503	170745	Nguyễn Toàn	Nam	12/12/2011	Lương Định Của	0	0	6,75	6,75	7	20,5	NV2
504	170187	Lê Thanh Hằng	Nữ	01/11/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	5,5	8,75	6,25	20,5	NV2
505	170496	Hoàng Bảo Ngân	Nữ	23/09/2011	Thái Nguyên	0	0	7	8,75	4,75	20,5	NV2
506	151156	Dương Thị Vy	Nữ	04/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	8,75	4,75	20,5	NV1
507	150431	Huỳnh Phúc Khang	Nam	05/03/2011	Võ Văn Ký	0	0	6,25	8,25	6	20,5	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
508	170465	Novikov Sergeevich Minh	Nam	14/12/2010	PT Hermann Gmeiner Nha Trang	0	0	6	8,25	6,25	20,5	NV2
509	150620	Nguyễn Ngọc Tuệ Nghi	Nữ	02/01/2011	Nguyễn Đình Chiêu	0	0	7,25	8	5,25	20,5	NV1
510	150706	Nguyễn Đỗ Bảo Như	Nữ	15/02/2011	Phan Sào Nam	0	0	5,75	7,5	7,25	20,5	NV1
511	150545	Từ Văn Đình Minh	Nam	26/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	9	5	20,5	NV1
512	150650	Phạm Hà Hoàng Nguyên	Nữ	01/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	8,5	5,5	20,5	NV1
513	150561	Bùi Ngân Hà My	Nữ	20/12/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6	8,5	6	20,5	NV1
514	170071	Huỳnh Gia Bảo	Nam	08/09/2011	Lương Định Của	0	0	6,75	8,25	5,5	20,5	NV2
515	151004	Nguyễn Hoàng Anh Thy	Nữ	20/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	7,25	6,5	20,5	NV1
516	170511	Trương Mỹ Ngân	Nữ	05/03/2011	Trưng Vương	0	0	6,5	8	6	20,5	NV2
517	150180	Lê Minh Đạt	Nam	10/07/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,25	8,25	6	20,5	NV1
518	151112	Phan Hoàng Anh Việt	Nam	30/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,25	8,75	5,5	20,5	NV1
519	151154	Lê Đồng Thảo Vy	Nữ	13/11/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,25	8,5	5,75	20,5	NV1
520	150378	Lê Quốc Hưng	Nam	24/05/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	9,25	4,5	20,5	NV1
521	170730	Phan Gia Cát Tiên	Nữ	24/01/2011	Thái Nguyên	0	0	7	8	5,5	20,5	NV2
522	150094	Tôn Thất Gia Bảo	Nam	02/05/2011	Trưng Vương	0	0	5,25	7,5	7,75	20,5	NV1
523	150086	Lê Đình Gia Bảo	Nam	24/06/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,75	7	6,75	20,5	NV1
524	150522	Đình Thành Long	Nam	24/12/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5,75	7,75	7	20,5	NV1
525	150297	Doãn Đặng Minh Hoàng	Nam	10/05/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	8,25	6	6,25	20,5	NV1
526	151041	Lê Thảo Trâm	Nữ	29/03/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	5,75	9	5,75	20,5	NV1
527	150493	Nguyễn Thuỳ Lâm	Nữ	19/01/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,75	6,75	7	20,5	NV1
528	150518	Lê Hoàng Long	Nam	28/02/2011	Võ Thị Sáu-Nam Nha Trang	0	0	7	8,25	5,25	20,5	NV1
529	170762	Nguyễn Hoàng Cát Tường	Nữ	30/10/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7,5	8,25	4,75	20,5	NV2
530	170004	Nguyễn Khánh An	Nam	08/07/2011	Thái Nguyên	1	0	6,75	6,75	6	20,5	NV2
531	160326	Nguyễn Huỳnh Thạch Lợi	Nam	18/02/2011	Trần Nhật Duật	0	0	5	9	6,5	20,5	NV2
532	170192	Huỳnh Bảo Hân	Nữ	16/01/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	7	6,5	7	20,5	NV2
533	150238	Chu Thanh Hằng	Nữ	15/04/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	5,33	8,75	6,25	20,33	NV1
534	170556	Trần Ngọc Thanh Nguyên	Nữ	16/03/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	8,5	4,5	20,25	NV2
535	170961	Lê Hồng Tường Vy	Nữ	06/07/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	8	8,75	3,5	20,25	NV2
536	150835	Đình Ngô Chí Tài	Nam	02/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,25	8,5	4,5	20,25	NV1
537	150649	Huỳnh Hạnh Nguyên	Nữ	20/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,25	8	5	20,25	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
538	170881	Lê Ngọc Tuyết Trinh	Nữ	23/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	8,5	5	20,25	NV2
539	151184	Nguyễn Phạm Như Ý	Nữ	14/03/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7	7,75	5,5	20,25	NV1
540	150845	Mai Vân Mỹ Tâm	Nữ	24/01/2011	Võ Văn Ký	0	0	8	9	3,25	20,25	NV1
541	151177	Lê Ngọc Như Ý	Nữ	05/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	8	4,5	20,25	NV1
542	150641	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	25/02/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	8,5	4,75	20,25	NV1
543	150234	Lê Thị Minh Hằng	Nữ	16/08/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	7,25	6,75	20,25	NV1
544	151054	Lưu Thiên Trần	Nam	19/07/2010	Trung Vương	0	0	6,5	8,5	5,25	20,25	NV1
545	150617	Huỳnh Gia Nghi	Nữ	02/09/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	8,25	5,25	20,25	NV1
546	180397	Tôn Thanh Khang	Nam	26/04/2011	Bùi Thị Xuân-Nha Trang	0	0	6,75	8,25	5,25	20,25	NV2
547	150207	Hồ Hương Giang	Nữ	19/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	9	4,25	20,25	NV1
548	150892	Nguyễn Hoàng Minh Tuấn	Nam	08/12/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	5	7,25	8	20,25	NV1
549	150104	Phan Hoàng Thiên Bảo	Nam	28/04/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	5	8,5	20,25	NV1
550	151029	Nguyễn Thanh Trà	Nữ	05/10/2011	Trung Vương	0	0	6,75	7,5	6	20,25	NV1
551	170134	Trương Nguyễn Tiến Dũng	Nam	15/08/2011	Cao Thắng	0	0	6,75	9	4,5	20,25	NV2
552	150833	Nguyễn Thê Sơn	Nam	09/01/2011	Trung Vương	0	0	5,5	7,25	7,5	20,25	NV1
553	170218	Chu Hồ Ngọc Hân	Nữ	24/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,25	7,5	6,5	20,25	NV2
554	170488	Nguyễn Cao Nam	Nam	17/12/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	8,25	5,25	20,25	NV2
555	180073	Hoàng Ân	Nam	04/07/2011	Lam Sơn	0	0	6,25	8,5	5,5	20,25	NV2
556	150585	Trịnh Phương Nam	Nam	23/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5	7,5	7,75	20,25	NV1
557	151007	Nguyễn Phạm Bảo Thy	Nữ	11/03/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,25	8,25	5,75	20,25	NV1
558	150439	Cao Duy Khánh	Nam	06/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	7,75	6	20,25	NV1
559	150183	Đỗ Tiến Đạt	Nam	08/11/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	8	6	20,25	NV1
560	150351	Vũ Diệu Huyền	Nữ	26/02/2011	Mai Xuân Thường	0	0	4,75	8,5	7	20,25	NV1
561	150146	Trần Lê Quỳnh Diệu	Nữ	08/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	7,5	5,25	20,25	NV1
562	180337	Trần Nguyễn Khánh Huyền	Nữ	09/05/2011	Võ Thị Sáu-Nam Nha Trang	0	0	7,5	8,5	4,25	20,25	NV2
563	150144	Phùng Thanh Ngọc Diệp	Nữ	25/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	7,25	6,25	20,25	NV1
564	150687	Bùi Nguyễn Phương Nhi	Nữ	07/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,25	7,5	6,5	20,25	NV1
565	151011	Nguyễn Ngọc Uyên Thy	Nữ	24/08/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	6,5	7	20,25	NV1
566	181058	Trần Ngọc Phương Vy	Nữ	04/07/2011	Võ Thị Sáu-Nam Nha Trang	0	0	7,25	8,25	4,75	20,25	NV2
567	180009	Nguyễn Võ Minh An	Nữ	23/12/2011	Lam Sơn	0	0	7,25	7,25	5,75	20,25	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
568	180065	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Nữ	27/09/2011	Bùi Thị Xuân-Nha Trang	0	0	8	7,5	4,75	20,25	NV2
569	150287	Dương Tăng Phước Hiệp	Nam	07/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	7,75	6,5	20,25	NV1
570	170339	Huỳnh Vĩnh Khang	Nam	30/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	7,25	5	20,25	NV2
571	180153	Huỳnh Tấn Dũng	Nam	23/10/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	8,25	8,5	3,5	20,25	NV2
572	170683	Trần Hồng Quân	Nam	30/03/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	9	8,5	2,75	20,25	NV2
573	150168	Hoàng Anh Dũng	Nam	24/11/2011	Lý Thái Tổ	1	0	5,5	7,25	6,5	20,25	NV1
574	150456	Bùi Anh Khoa	Nam	25/03/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	8,75	5,5	20,25	NV1
575	150342	Bùi Quang Huy	Nam	06/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,5	8	6,75	20,25	NV1
576	180738	Lê Đăng Quân	Nam	17/06/2011	Võ Thị Sáu-Nam Nha Trang	0	0	5,75	8,25	6,25	20,25	NV2
577	150240	Đinh Bảo Hân	Nữ	30/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5	8,75	6,5	20,25	NV1
578	150797	Tô Nguyễn Bảo Quyên	Nữ	30/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7	7,75	5,5	20,25	NV1
579	180827	Nguyễn Lê Anh Tuấn	Nam	22/04/2011	Võ Thị Sáu-Nam Nha Trang	0	0	6,25	7	7	20,25	NV2
580	151120	Phạm Vinh	Nam	20/12/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,75	9	5,5	20,25	NV1
581	150811	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	Nữ	12/01/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	8	5,75	20	NV1
582	150158	Phạm Nguyễn Minh Duy	Nam	13/06/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	5,75	9	5,25	20	NV1
583	170865	Đỗ Ngọc Minh Trâm	Nữ	29/05/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	9	4,75	20	NV2
584	151108	Võ Lê Nhật Vi	Nữ	11/11/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6	8,75	5,25	20	NV1
585	151030	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	01/12/2011	Nguyễn Công Trứ-Bắc Nha Trang	0	0	6	9	5	20	NV1
586	150536	Ngô Trần Tuệ Mai	Nữ	30/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,5	7,25	5,25	20	NV1
587	150264	Trần Gia Hân	Nữ	12/08/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	7,5	5,5	20	NV1
588	170190	Nguyễn Thúy Hằng	Nữ	21/09/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	7,75	6,75	5,5	20	NV2
589	150171	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	22/02/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	5,5	8,75	5,75	20	NV1
590	150479	Phạm Nguyễn Thanh Lam	Nữ	12/02/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	6,75	8	5,25	20	NV1
591	150301	Nguyễn Lê Minh Hoàng	Nam	09/02/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,5	7,25	5,25	20	NV1
592	150192	Nguyễn Hoàng Thịnh Đạt	Nam	05/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	8,5	5,5	20	NV1
593	151166	Lê Hoàng Yên	Nữ	23/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,75	8,5	3,75	20	NV1
594	150189	Nguyễn Thành Đạt	Nam	13/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	7	7	20	NV1
595	151092	Trần Vương Tú Uyên	Nữ	16/05/2011	Trưng Vương	0	0	5,25	8,75	6	20	NV1
596	150552	Nguyễn Nhật Minh	Nam	04/07/2011	Trần Quốc Toàn-Nha Trang	0	0	5,5	9	5,5	20	NV1
597	150070	Phạm Lê Việt Anh	Nam	17/03/2011	Thái Nguyên	0	0	6	7,5	6,5	20	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
598	150985	Lê Anh Thư	Nữ	28/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	8	6	20	NV1
599	150910	Thiều Minh Tường	Nam	25/06/2011	Trung Vương	0	0	5,75	9	5,25	20	NV1
600	151118	Trần Quốc Việt	Nam	07/06/2011	Trung Vương	0	0	5,75	7,5	6,75	20	NV1
601	150494	Lê Thùy Lâm	Nữ	14/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	8,25	5,5	20	NV1
602	150879	Nguyễn Bảo Toàn	Nam	29/06/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	8	4	20	NV1
603	150531	Ngô Kiều Trúc Ly	Nữ	25/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,75	7,25	5,75	19,75	NV1
604	151167	Nguyễn Phương Hoàng Yến	Nữ	03/03/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	8	6,25	5,5	19,75	NV1
605	150692	Nguyễn Lâm Tuyết Nhi	Nữ	09/11/2011	Cao Thắng	0	0	5	9	5,75	19,75	NV1
606	150217	Hoàng Thu Hà	Nữ	01/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	8,5	4	19,75	NV1
607	150442	Nguyễn Lê Ngọc Khánh	Nữ	19/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,5	7,75	5,5	19,75	NV1
608	151028	Trương Uyên Trang	Nữ	04/04/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	9	3,75	19,75	NV1
609	150526	Hồ Lucy	Nữ	20/04/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	6,5	6,5	19,75	NV1
610	150779	Trương Đông Quân	Nam	13/05/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	6,75	6,75	19,75	NV1
611	150656	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Nữ	04/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5	7,75	7	19,75	NV1
612	150300	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	08/11/2011	Mai Xuân Thường	0	0	4,75	9	6	19,75	NV1
613	150244	Trịnh Thị Bảo Hân	Nữ	15/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	7	5,75	19,75	NV1
614	150846	Dương Ngọc Tâm	Nữ	04/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	8,25	4,5	19,75	NV1
615	150450	Trần Quang Khải	Nam	20/06/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7	8,5	4,25	19,75	NV1
616	150657	Nguyễn Ngọc Triều Nguyên	Nam	26/05/2011	Lương Định Của	1	0	4,75	8,25	5,75	19,75	NV1
617	150193	Phạm Hoàng Đăng	Nam	19/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,5	6,75	6,5	19,75	NV1
618	151123	Nguyễn Khánh Vinh	Nam	16/07/2011	Thái Nguyên	0	0	6,5	6,5	6,75	19,75	NV1
619	150063	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	Nữ	02/11/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	7,75	4,75	19,75	NV1
620	150816	Lê Lương Như Quỳnh	Nữ	05/05/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,25	6	6,5	19,75	NV1
621	150791	Vũ Minh Quân	Nam	25/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	6,75	6,25	19,75	NV1
622	150480	Cao Thị Yến Lan	Nữ	25/07/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	5,5	7,25	7	19,75	NV1
623	151013	Trần Bảo Trang	Nữ	22/10/2011	TH,iSchool Nha Trang	0	0	8,5	7,25	4	19,75	NV1
624	150454	Phạm Gia Khiêm	Nam	03/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,75	8,5	5,5	19,75	NV1
625	150487	Nguyễn Khánh Lâm	Nam	10/07/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,25	7	6,5	19,75	NV1
626	150482	Trần Thái Lành	Nam	03/08/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,5	9	4	19,5	NV1
627	150283	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	02/02/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6	9	4,5	19,5	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
628	151081	Nguyễn Tấn Trường	Nam	22/06/2011	Cao Thắng	0	0	6	9	4,5	19,5	NV1
629	150731	Trần Minh Phong	Nam	30/05/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	5,5	5,75	8,25	19,5	NV1
630	150347	Giã Hoàng Tấn Huy	Nam	14/12/2011	Nguyễn Khuyến-Bắc Nha Trang	0	0	4,5	7,5	7,5	19,5	NV1
631	140378	Viên Nguyễn Khánh An	Nữ	09/02/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,25	8,75	4,5	19,5	NV1
632	150013	Nguyễn Tường An	Nam	30/08/2010	Cao Thắng	1	0	6	6,25	6,25	19,5	NV1
633	150513	Võ Hoàng Tấn Lộc	Nam	13/03/2011	Yersin-Nha Trang	0	0	7	7	5,5	19,5	NV1
634	150010	Nguyễn Quốc An	Nam	01/06/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	7,5	5,75	19,5	NV1
635	150902	Nguyễn Lại Đình Tùng	Nam	26/06/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7	6,5	6	19,5	NV1
636	150027	Thái Vũ Hà Anh	Nữ	14/04/2011	Mai Xuân Thuởng	1	0	4,75	8,75	5	19,5	NV1
637	150988	Phạm Thị Anh Thư	Nữ	02/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	7,25	5,5	19,5	NV1
638	150029	Nguyễn Phan Hoài Anh	Nữ	29/04/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	4,5	8	19,5	NV1
639	140700	Phùng Đỗ Bảo Duy	Nam	14/11/2011	Thái Nguyên	0	0	5	6,25	8,25	19,5	NV1
640	150690	Trương Lê Phương Nhi	Nữ	12/10/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,5	7	5	19,5	NV1
641	151096	Ngô Duy Văn	Nam	29/07/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	3,75	8,5	7,25	19,5	NV1
642	151010	Nguyễn Trần Khánh Thy	Nữ	25/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	8	5,5	6	19,5	NV1
643	150672	Huỳnh Long Nhật	Nam	14/01/2011	Lương Đình Của	0	0	4,25	6,25	9	19,5	NV1
644	150488	Nguyễn Ngọc Lâm	Nữ	26/05/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,75	6,75	5	19,5	NV1
645	150305	Phạm Việt Hoàng	Nam	01/09/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	5,5	8,75	5,25	19,5	NV1
646	150219	Trương Duy Hào	Nam	15/11/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,25	7,25	6	19,5	NV1
647	150087	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Nam	09/02/2011	Trung Vương	0	0	5	8,5	6	19,5	NV1
648	150474	Nguyễn Văn Khôi	Nam	14/08/2011	Trần Quốc Toản-Nha Trang	0	0	6,25	5,75	7,5	19,5	NV1
649	150922	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	17/10/2011	Lý Thái Tổ	0	0	7,25	7,75	4,5	19,5	NV1
650	150583	Phạm Trần Hoàng Nam	Nam	27/10/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	6,5	7,5	5,5	19,5	NV1
651	150597	Mai Thị Kim Ngân	Nữ	21/12/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,5	7,75	5	19,25	NV1
652	150167	Trịnh Ngọc Duyên	Nữ	09/04/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	6,25	6,75	6,25	19,25	NV1
653	151002	Phan Hoài Khánh Thương	Nữ	28/11/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7,5	8	3,75	19,25	NV1
654	150503	Trần Thị Thúy Linh	Nữ	10/05/2011	Cao Thắng	0	0	6,5	7,25	5,5	19,25	NV1
655	150795	Nguyễn Thanh Thiên Quốc	Nam	23/01/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	5,75	8,5	5	19,25	NV1
656	151016	Nguyễn Thị Khánh Trang	Nữ	16/01/2011	Mai Xuân Thuởng	0	0	7	5,75	6,5	19,25	NV1
657	150088	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Nam	14/07/2011	Phan Sào Nam	0	0	6,25	7,5	5,5	19,25	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
658	150021	Lhoneux Trần Antoine	Nam	26/07/2011	Võ Văn Ký	0	0	4,5	7	7,75	19,25	NV1
659	150763	Trịnh Phạm Minh Phương	Nam	24/03/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7	7,75	4,5	19,25	NV1
660	150713	Tô Thị Quỳnh Như	Nữ	22/01/2011	Lý Thường Kiệt-Bắc Nha Trang	0	0	7,25	8	4	19,25	NV1
661	150551	Đình Lê Nhật Minh	Nam	16/05/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,25	6,5	7,5	19,25	NV1
662	150821	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	19/10/2011	Mai Xuân Thường	0	0	8	7	4,25	19,25	NV1
663	151190	Phạm Thiện Ý	Nữ	31/01/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	7,5	6,75	5	19,25	NV1
664	150653	Nguyễn Đình Khôi Nguyên	Nam	30/08/2011	Lý Thái Tổ	0	0	5,5	7	6,75	19,25	NV1
665	150326	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Nam	07/12/2011	Âu Cơ-Nha Trang	0	0	5,75	7	6,5	19,25	NV1
666	150132	Bùi Thị Kim Chi	Nữ	12/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	9	3,5	19,25	NV1
667	150444	Lương Quốc Khánh	Nam	30/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6	9	4,25	19,25	NV1
668	150398	Bạch Tuấn Kiệt	Nam	17/08/2011	Mai Xuân Thường	0	0	6,75	7,25	5,25	19,25	NV1
669	150118	Nguyễn Phi Cường	Nam	17/09/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6	8	5,25	19,25	NV1
670	150214	Tạ Thị Thanh Hà	Nữ	21/01/2011	Mai Xuân Thường	0	0	7,25	8,5	3,25	19	NV1
671	150875	Lê Thiện Tín	Nam	10/01/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	7	8	4	19	NV1
672	150661	Nguyễn Đình Minh Nguyệt	Nữ	24/07/2011	Lý Thái Tổ	0	0	6,75	8	4,25	19	NV1
673	150473	Nguyễn Đình Nguyên Khôi	Nam	28/09/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,25	7,25	6,5	19	NV1
674	150576	Đặng Thanh Mỹ	Nam	24/04/2011	Nguyễn Viết Xuân	0	0	5,75	9	4,25	19	NV1
675	150559	Phạm Xuân Minh	Nam	23/06/2011	Mai Xuân Thường	0	0	5,25	8,5	5,25	19	NV1

Tổng cộng danh sách có : 675 thí sinh